

TÁC ĐỘNG CỦA CÁC YẾU TỐ ĐẦU VÀO ĐẾN TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ CỦA TỈNH THÁI NGUYÊN

Hoàng Thị Thu

Trường Đại học Kinh tế & Quản trị kinh doanh, Đại học Thái Nguyên

Email: Thuhtn@yahoo.com

Trần Quang Huy

Trường Đại học Kinh tế & Quản trị kinh doanh, Đại học Thái Nguyên

Ngày nhận: 2/6/2017

Ngày nhận bản sửa: 28/6/2017

Ngày duyệt đăng: 25/9/2017

Tóm tắt:

Nghiên cứu này đánh giá tác động của vốn, lao động và năng suất các nhân tố tổng hợp lên tăng trưởng kinh tế của tỉnh Thái Nguyên thông qua phương pháp hạch toán tăng trưởng. Kết quả chỉ ra rằng, yếu tố có đóng góp lớn nhất trong tăng trưởng kinh tế của tỉnh Thái Nguyên trong giai đoạn 2006- 2016 là vốn đầu tư với 68,45%. Lao động có việc làm của tỉnh Thái Nguyên cũng đã có đóng góp tương đối ổn định vào tăng trưởng kinh tế của tỉnh Thái Nguyên. Mặc dù có mức độ tăng trưởng không ổn định, yếu tố năng suất nhân tố tổng hợp TFP cũng đã duy trì đóng góp của mình trong tăng trưởng GDP với mức trung bình chung của cả giai đoạn 2006- 2016 là 18,82%. Tuy nhiên, hiệu quả sử dụng các yếu tố đầu vào cho tăng trưởng kinh tế còn thấp và cần phải cải thiện trong tương lai.

Từ khóa: Tăng trưởng kinh tế, năng suất nhân tố tổng hợp, vốn, lao động.

Effect of production factors to economic growth in Thai Nguyen province

Abstract:

This study evaluates the effect of capital stock, labor and total factor productivity on economic growth in Thai Nguyen province based on the growth accounting approach. The results showed that the capital stock made the greatest contribution to the economic growth of Thai Nguyen province during 2006- 2016 with 68.45%. The employed workers also made relatively stable contributions to the economic growth of Thai Nguyen province. Despite the unstable level of growth, the TFP factor retained its contribution to the province's economic growth with a general average of 18.82% for the 2006-2016 period. However, effective use of inputs for economic growth remained low and needs to be improved in the future.

Keywords: Economic growth; total factor productivity; capital stock; labor.

1. Giới thiệu

Tăng trưởng kinh tế là một chỉ số quan trọng phản ánh trình độ phát triển kinh tế của một vùng, một quốc gia trong mỗi thời kỳ nhất định và là điều kiện tiên quyết để phát triển kinh tế, nâng cao hơn nữa đời sống người dân, giảm thất nghiệp và thực hiện nhiều mục tiêu vĩ mô khác. Là một tỉnh thuộc vùng

Đông Bắc Bộ của Việt Nam, Thái Nguyên tiếp giáp với thủ đô Hà Nội và là một trung tâm kinh tế - xã hội lớn của cả vùng trung du và miền núi phía Bắc. Trong 10 năm qua, tỉnh Thái Nguyên đã thực hiện thành công công cuộc đổi mới nền kinh tế với việc triển khai thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa và mở cửa nền kinh tế, từ đó tốc độ tăng trưởng kinh

tế và thu nhập bình quân đầu người tăng lên khá cao. Tuy nhiên, vẫn chưa có một nghiên cứu cụ thể nào về những nhân tố đầu vào tác động đến sự tăng trưởng kinh tế của tỉnh Thái Nguyên. Nghiên cứu này sử dụng phương pháp hạch toán tăng trưởng (growth accounting) để đánh giá tác động của các yếu tố đầu vào đối với tăng trưởng kinh tế của tỉnh Thái Nguyên, từ đó đề xuất giải pháp tăng cường tác động của các yếu tố đầu vào trong tăng trưởng kinh tế của tỉnh Thái Nguyên.

2. Cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu

2.1. Cơ sở lý luận về các yếu tố đầu vào của tăng trưởng kinh tế

Tăng trưởng kinh tế là sự gia tăng thu nhập của nền kinh tế trong một khoảng thời gian nhất định, thường là một năm. Tăng trưởng kinh tế với tốc độ cao là mục tiêu của hầu hết các quốc gia, nhất là đối với các nước đang phát triển vì đây là điều kiện tiên quyết để khắc phục tình trạng đói nghèo của quốc gia, khắc phục sự lạc hậu, làm cho đời sống vật chất tinh thần của người dân ngày càng được cải thiện. Tăng trưởng kinh tế là một khái niệm được đề cập nhiều trong các mô hình nghiên cứu của các nhà kinh tế học với các tên tuổi tiêu biểu như Smith (1776), Ricardo (1817), Harrod (1939), Domar (1946), Solow (1956), Romer (1986) và Mankiw & cộng sự (1992). Quá trình sản xuất là quá trình kết hợp các yếu tố đầu vào để tạo ra được các yếu tố đầu ra theo nhu cầu xã hội. Mỗi sự gia tăng của yếu tố sản xuất sẽ làm gia tăng thêm sản lượng đầu ra. Các lý thuyết kinh tế học tân cổ điển và lý thuyết tăng trưởng mới đều thừa nhận rằng, trên giác độ các yếu tố đầu vào, những nhân tố kinh tế chính tham gia trực tiếp vào quá trình tăng trưởng là vốn, lao động và năng suất các nhân tố tổng hợp (TFP).

Vốn là yếu tố đầu vào của sản xuất và là nguồn lực cơ bản tạo ra tăng trưởng kinh tế. Vốn là toàn bộ của cải vật chất do con người tạo ra được tích lũy lại và những của cải tự nhiên như đất đai, khoáng sản đã được khai thác, chế biến. Vốn của một quốc gia trong một thời kỳ nhất định được đo bằng tiền, được biểu hiện dưới dạng tiền tệ đã được huy động và sử dụng cho tăng trưởng kinh tế. Các nhà khoa học đã tìm ra mối quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế và gia tăng đầu tư thông qua hệ số ICOR – hệ số hiệu suất sử dụng vốn để tăng trưởng.

Lao động là một trong những nhân tố cơ bản của tăng trưởng kinh tế. Nguồn lao động là nguyên

nhân, là động lực của mọi sự tăng trưởng và phát triển, đồng thời cũng là sản phẩm của phát triển. Là một bộ phận của dân số, nguồn lao động tạo cầu cho nền kinh tế thông qua việc tham gia vào tiêu dùng các sản phẩm và dịch vụ xã hội. Hơn nữa, trong các mô hình tăng trưởng kinh tế hiện đại, lao động được xem là vốn con người, tức là lao động có kỹ năng sản xuất, có trình độ công nghệ để vận hành các loại máy móc thiết bị, có khả năng phát huy sáng kiến, cải tiến kỹ thuật. Chất lượng nguồn nhân lực phụ thuộc vào trình độ giáo dục, trình độ dân trí, sức khỏe, số lượng, chất lượng của những máy móc, thiết bị sản xuất được trang bị cho người lao động và môi trường sống và làm việc của người lao động đó. Chất lượng nguồn nhân lực được xem là yếu tố chất lượng của tăng trưởng.

Ngoài hai yếu tố vật chất là vốn và lao động có tác động đến tăng trưởng kinh tế, yếu tố năng suất nhân tố tổng hợp (TFP) là một yếu tố có ảnh hưởng lớn đến tăng trưởng kinh tế được quan tâm nhiều trong thời gian gần đây. TFP “phản ánh sự đóng góp của các yếu tố vô hình như kiến thức, kinh nghiệm, kỹ năng lao động, cơ cấu lại nền kinh tế hay hàng hóa dịch vụ, chất lượng vốn đầu tư mà chủ yếu là chất lượng thiết bị công nghệ, kỹ năng quản lý...” (Trung tâm năng suất Việt Nam, 2009). Nói cách khác, năng suất nhân tố tổng hợp là chỉ tiêu phản ánh kết quả sản xuất mang lại do nâng cao hiệu quả sử dụng vốn và lao động nhờ vào tác động của các nhân tố đổi mới công nghệ, hợp lý hóa sản xuất, cải tiến quản lý và nâng cao trình độ lao động. Ta có thể chia kết quả sản xuất thành ba phần: phần do vốn tạo ra, phần do lao động tạo ra và phần do yếu tố tổng hợp TFP tạo ra. Như vậy, không phải nhất thiết để tăng trưởng sản xuất phải tăng lao động hoặc tăng vốn, mà có thể có kết quả sản xuất (đầu ra) lớn hơn thông qua tối ưu hóa nguồn lao động và vốn, cải tiến quy trình công nghệ, cải tiến quy trình quản lý.

2.2. Phương pháp nghiên cứu

Để đo lường và đánh giá tác động của các yếu tố đầu vào đến tăng trưởng kinh tế của tỉnh Thái Nguyên, bài viết sử dụng mô hình xuất phát là mô hình tăng trưởng Solow có dạng hàm sản xuất Cobb-Douglas:

$$Y = TFP \cdot f(K^\alpha \cdot L^\beta) \quad (1)$$

trong đó Y là sản lượng đầu ra; K là vốn đầu vào; L là lao động; TFP chính là năng suất nhân tố tổng hợp; α là hệ số đóng góp của vốn (hay còn gọi là tỷ phần thu nhập của vốn) và $\beta = (1 - \alpha)$ là hệ số đóng

góp của lao động (hay còn gọi là tỷ phần thu nhập của lao động).

Lấy logarit tự nhiên hai vế của phương trình (1), ta có:

$$\ln Y = \ln TFP + \alpha \ln K + \beta \ln L \quad (1')$$

Vi phân hai vế của phương trình (1') theo thời gian, ta có

$$\frac{dY}{Y} = \frac{dTFP}{TFP} + \alpha \frac{dK}{K} + \beta \frac{dL}{L}$$

Trong đó $\frac{dY}{Y}$, $\frac{dK}{K}$, $\frac{dL}{L}$ và $\frac{dTFP}{TFP}$ tương ứng với tốc độ tăng trưởng của GDP, vốn, lao động và tốc độ tăng trưởng của năng suất nhân tố tổng hợp.

Gọi G_Y là tốc độ tăng trưởng của GDP; G_K là tốc độ tăng trưởng của vốn; G_L là tốc độ tăng trưởng của lao động và G_{TFP} là tốc độ tăng của năng suất nhân tố tổng hợp TFP, hàm sản xuất (1) biến đổi như sau:

$$G_Y = G_{TFP} + \alpha G_K + \beta G_L \quad (2)$$

Một trong những đóng góp của mô hình Solow là nó có thể dùng để đo lường đóng góp của các yếu tố sản xuất vào tăng trưởng kinh tế. Các chỉ tiêu G_Y , G_L , G_K được tính dựa vào số liệu đã được công bố. Hệ số đóng góp của vốn (α), hệ số đóng góp của lao động (β) và G_{TFP} có thể được xác định bằng nhiều phương pháp khác nhau, trong đó hai phương pháp phổ biến nhất được sử dụng để đánh giá đóng góp của các yếu tố sản xuất vào tăng trưởng kinh tế trên cơ sở mô hình Solow như ở phương trình (1) là phương pháp hạch toán tăng trưởng (growth accounting) và phương pháp hồi quy tăng trưởng (growth regression). Theo Viện nghiên cứu quản lý kinh tế trung ương CIEM (2010), mỗi phương pháp được ứng dụng phù hợp tùy theo điều kiện từng nước và hệ thống số liệu thống kê sẵn có khác nhau. Phương pháp hạch toán tăng trưởng có thể xác định hệ số đóng góp của vốn, hệ số đóng góp của lao động và G_{TFP} cho từng năm và số liệu không nhất thiết phải liên tục nhiều năm. Phương pháp hồi quy tăng trưởng cần phải sử dụng số liệu với chuỗi thời gian đủ dài¹ và liên tục để mô hình hồi quy cho kết quả đáng tin cậy. Ngoài ra, các hệ số đóng góp của vốn và lao động tính được theo phương pháp hồi quy tăng trưởng sẽ được áp dụng cho cả giai đoạn mặc dù tình hình kinh tế theo từng năm của cả giai đoạn đó có nhiều thay đổi. Để tính toán hệ số đóng góp của vốn (α), hệ số đóng góp của lao động (β) và G_{TFP} cho tỉnh Thái Nguyên, với điều kiện số liệu tiếp cận được, nghiên cứu này sử dụng hạch toán tăng trưởng (growth accounting) được phát triển bởi Solow (1957).

Theo phương trình (2), tốc độ tăng của TFP được tính theo công thức sau:

$$G_{TFP} = G_Y - \beta G_L - \alpha G_K \quad (3)$$

Sau khi tính được tốc độ tăng trưởng của từng yếu tố vốn (G_K), lao động (G_L) và tốc độ tăng của TFP (G_{TFP}), chúng ta xác định được tỷ trọng đóng góp của vốn, lao động và TFP vào tốc độ tăng của GDP như sau:

$$\% \text{ đóng góp của TFP} = G_{TFP} / G_Y \times 100\%$$

$$\% \text{ đóng góp của vốn} = \alpha G_K / G_Y \times 100\%$$

$$\% \text{ đóng góp của lao động} = (1 - \alpha) G_L / G_Y \times 100\% = \beta G_L / G_Y \times 100\%$$

2.3. Dữ liệu tính toán

Tổng sản lượng (Y) được đo bằng GDP thực tế của tỉnh Thái Nguyên được xác định theo giá so sánh năm 2010, đơn vị tính là tỷ đồng.

Yếu tố vốn (K) là trữ lượng vốn (capital stock) thực tế của tỉnh Thái Nguyên được xác định theo giá so sánh năm 2010, đơn vị tính là tỷ đồng. Tác giả lựa chọn phương pháp xác định trữ lượng vốn thực tế đã được sử dụng trong nghiên cứu của Nguyễn Quang Hiệp & Nguyễn Thị Nhã (2015); Đặng Hoàng Thông & Võ Thành Danh (2011) và vận dụng trong trường hợp của tỉnh Thái Nguyên. Hiện tại, Việt Nam và các tỉnh thành của Việt Nam (trong đó có tỉnh Thái Nguyên) đều không có số liệu về chỉ tiêu "trữ lượng vốn". Do tỉnh Thái Nguyên mới được tái lập năm 1997, chúng tôi sử dụng GDP thực tế của tỉnh Thái Nguyên năm 2000 làm mức K thời kỳ đầu (từ K_0). Từ mức K ban đầu này và giá trị đầu tư hàng năm (I_t), chúng tôi tính được trữ lượng vốn theo thời gian dựa vào công thức:

$K_t = (1 - \delta) K_{t-1} + I_t$ trong đó $\delta = 5\%$ là tỷ lệ khấu hao.

Yếu tố lao động (L) là lao động từ 15 tuổi trở lên đang làm việc trong các ngành kinh tế của tỉnh Thái Nguyên qua các năm, đơn vị tính là nghìn người.

Phương pháp xác định hệ số đóng góp của vốn (hay còn gọi là tỷ phần thu nhập của vốn) trong GDP (α) được lựa chọn là phương pháp đã được sử dụng trong nghiên cứu của Nguyễn Quang Hiệp & Nguyễn Thị Nhã (2015). Theo Nguyễn Quang Hiệp & Nguyễn Thị Nhã (2015), hệ số đóng góp của vốn (α) = $\lambda K/Y$, trong đó λ là giá trị sản phẩm cận biên của vốn. Lãi suất cho vay bình quân trong năm là chỉ tiêu được sử dụng để đại diện cho giá trị sản phẩm cận biên của vốn.

Hệ số đóng góp của lao động trong GDP (hay tỷ

phần thu nhập của lao động) $\beta = 1 - \alpha$.

Để xác định tác động của các yếu tố đầu vào đến tăng trưởng kinh tế của tỉnh Thái Nguyên, nghiên cứu sử dụng số liệu về GDP, vốn đầu tư và lao động được thu thập từ Niên giám thống kê tỉnh Thái Nguyên và Cục Thống kê tỉnh Thái Nguyên trong giai đoạn giai đoạn 2006 đến 2016. Số liệu về lãi suất cho vay bình quân trong năm trên thị trường được thu thập từ cơ sở dữ liệu International Financial Statistics của IMF.

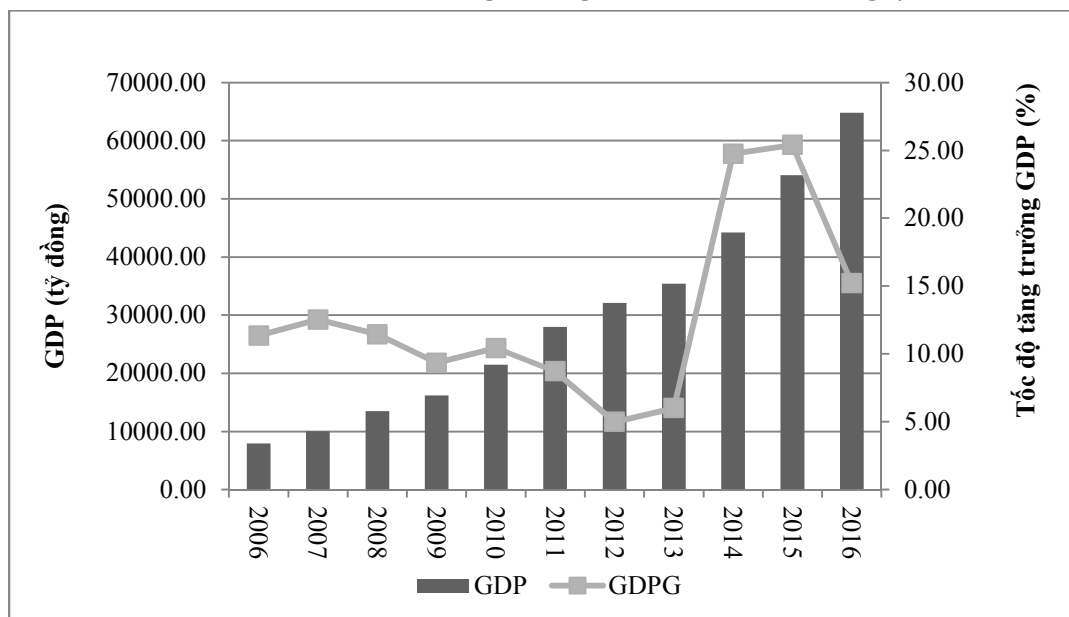
3. Kết quả nghiên cứu và thảo luận

Tỉnh Thái Nguyên là trung tâm chính trị, kinh tế của vùng trung du miền núi Đông Bắc và là cửa ngõ giao lưu kinh tế xã hội giữa vùng trung du miền núi với vùng đồng bằng Bắc Bộ. Trong hơn 10 năm qua (2006-2016), tỉnh Thái Nguyên đã có những bước phát triển nhanh, một số ngành nghề trọng điểm đều tăng năng lực sản xuất; các thành phần kinh tế đều có sự tăng trưởng, nhất là kinh tế ngoài quốc doanh đã khẳng định vị trí của mình trong nền kinh tế nhiều thành phần.

Hình 1 cho thấy, giá trị GDP của tỉnh Thái Nguyên tăng dần hàng năm với mức tăng năm sau cao hơn năm trước, năm 2016 tổng GDP đạt 64792 tỷ đồng, gấp hơn 8 lần so với năm 2006. Tốc độ tăng trưởng GDP của tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2006 – 2016 luôn duy trì ở mức cao, với mức tăng trung bình là 12,74%/năm. Năm 2012, tốc độ tăng trưởng hạ thấp

đột ngột xuống 4,99% do năm 2012 kinh tế trong nước gặp nhiều khó khăn, nhất là việc phát triển sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp, tình trạng hàng tồn kho và tiêu thụ chậm, mặt bằng lãi suất tuy có giảm nhưng vẫn ở mức cao, chính sách thắt chặt tiền tệ và quản lý đầu tư công... ảnh hưởng đến tốc độ tăng trưởng của nền kinh tế. Tỉnh Thái Nguyên do ảnh hưởng của tình hình chung nên các ngành kinh tế trọng điểm như ngành công nghiệp, xây dựng, thương mại tăng trưởng thấp, dẫn đến tốc độ tăng trưởng kinh tế chung của tỉnh giảm sút (UBND tỉnh Thái Nguyên, 2012). Tuy nhiên, các năm tiếp theo tốc độ tăng trưởng đã có dấu hiệu phục hồi. Đặc biệt trong hai năm 2014 - 2015 tốc độ tăng trưởng GDP của Tỉnh đạt trên 24%. Đây là kết quả của hoạt động thu hút đầu tư nước ngoài trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên vào lĩnh vực công nghiệp sản xuất sản phẩm điện tử, thiết bị truyền thông và nhóm chế biến khoáng sản sau khai thác. Các công ty đầu tư nước ngoài trên địa bàn Tỉnh đã cơ bản hoàn thiện giai đoạn xây dựng hạ tầng, bước đầu đi vào sản xuất tạo sức bật mới và đóng góp giá trị gia tăng cho nền kinh tế của Tỉnh. Tốc độ tăng trưởng kinh tế cao, trong khi tốc độ tăng dân số được khống chế nên thu nhập bình quân đầu người của tỉnh Thái Nguyên mỗi năm một tăng. Năm 2016, thu nhập bình quân đầu người của tỉnh Thái Nguyên xấp xỉ 52 triệu đồng/năm, tăng gấp 7,8 lần so với năm 2006.

Hình 1: GDP và tốc độ tăng trưởng GDP của tỉnh Thái Nguyên



Nguồn: Niên giám thống kê của tỉnh Thái Nguyên các năm 2010-2015 và tổng hợp số liệu từ báo cáo Ủy ban Nhân dân (UBND) tỉnh Thái Nguyên năm 2016.

Bảng 1: Tốc độ tăng của GDP, vốn, lao động và TFP của tỉnh Thái Nguyên

Năm	Tốc độ tăng của GDP (%)	Tốc độ tăng của Vốn (%)	Tốc độ tăng của Lao động (%)	Tỷ phần thu nhập của vốn α	Tỷ phần thu nhập của Lao động $\beta = 1 - \alpha$	Tốc độ tăng của TFP (%)
2006	11,34	21,83	2,22	0,2755	0,7245	3,72
2007	12,53	18,15	2,31	0,2893	0,7107	5,64
2008	11,45	15,25	2,74	0,4223	0,5777	3,42
2009	9,34	13,15	2,65	0,2789	0,7211	3,76
2010	10,43	13,90	1,72	0,3753	0,6247	4,14
2011	8,72	15,28	1,37	0,5133	0,4867	0,21
2012	4,99	9,69	1,14	0,4262	0,5738	0,20
2013	6,00	25,51	2,20	0,3886	0,6114	-5,26
2014	24,75	35,15	0,72	0,3515	0,6485	11,93
2015	25,39	41,80	5,61	0,3268	0,6732	7,95
2016	15,2	29,51	1,99	0,3646	0,6354	3,18
2006-2012	9,83	15,32	2,02	0,3687	0,6313	3,01
2013-2016	17,84	32,99	2,63	0,3579	0,6421	4,45
2006-2016	12,74	21,75	2,24	0,3648	0,6352	3,54

Nguồn: Niên giám thống kê của tỉnh Thái Nguyên các năm 2010-2015; số liệu từ báo cáo UBND tỉnh Thái Nguyên năm 2016 và tính toán của tác giả

Trong giai đoạn 2006- 2016, tốc độ tăng trưởng vốn K của tỉnh Thái Nguyên luôn ở mức cao với tốc độ tăng trung bình của cả giai đoạn là 21,75% (Bảng 1). Năm 2012, tốc độ tăng trưởng của K giảm xuống chỉ còn 9,69%, thấp nhất trong giai đoạn nghiên cứu do tỉnh Thái Nguyên cũng chịu ảnh hưởng chung của khủng hoảng tài chính toàn cầu nên các quốc gia thu hẹp vốn đầu tư. Giai đoạn 2013- 2016, tốc độ tăng trưởng vốn K của tỉnh Thái Nguyên tăng mạnh với tỷ lệ trung bình giai đoạn đạt 33%, gấp hơn hai lần tốc độ tăng của giai đoạn 2006- 2012. Có được kết quả này là do tỉnh Thái Nguyên đã thu hút được vốn đầu tư trực tiếp từ tập đoàn Samsung (Hàn Quốc) để xây dựng tổ hợp sản xuất điện tử công nghệ cao Samsung Complex². Kết quả của hoạt động đầu tư vốn đã làm cho GDP năm 2014 của tỉnh Thái Nguyên tăng khoảng 27,4% so với năm 2012; thu nhập bình quân đầu người đạt khoảng 26,8 triệu đồng/người/năm, tăng hơn 21,9% so với năm 2012. Kết quả Bảng 2 cũng cho thấy, mức đóng góp trung bình của vốn trong GDP vào khoảng 59,09% trong giai đoạn 2006- 2012 và tăng lên 84,94% trong giai đoạn 2013- 2016. Như vậy, vốn là yếu tố quan trọng nhất đóng góp vào tăng trưởng kinh tế của tỉnh Thái Nguyên trong giai đoạn 2006- 2016, bình quân tới

7,75 điểm phần trăm (chiếm 68,45%). Tuy nhiên, hiệu quả đầu tư vốn của tỉnh Thái Nguyên còn thấp và đang có chiều hướng giảm thấp vào những năm gần đây. Hệ số ICOR trung bình của tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2006 - 2016 là 7,42, cao hơn với giá trị này của cả nước. Giai đoạn 2013- 2016, trong khi có khoản vốn FDI rất lớn đầu tư vào Việt Nam, hệ số ICOR của giai đoạn này tăng lên gần hai lần so với hệ số ICOR giai đoạn 2006- 2012 và gấp 1,4 lần giai đoạn nghiên cứu (Phụ lục). Điều này đồng nghĩa với hiệu quả sử dụng vốn đầu tư của tỉnh Thái Nguyên thấp, cần phải được cải thiện trong thời gian tới.

Tỷ lệ tăng trưởng lao động của tỉnh Thái Nguyên không cao nhưng khá đồng đều giữa các năm. Dân số trong độ tuổi lao động có việc làm của tỉnh Thái Nguyên tăng qua các năm (Phụ lục) sẽ làm tăng tiết kiệm và tăng nguồn đóng góp cho quỹ an sinh xã hội, qua đó tác động tích cực đến tăng trưởng kinh tế. Tuy nhiên, lao động chỉ đóng góp vào GDP bình quân 1,45 điểm phần trăm, tương ứng với 12,73% tăng trưởng kinh tế của tỉnh Thái Nguyên. Giai đoạn 2013 - 2016, đóng góp của lao động trong tăng trưởng kinh tế có xu hướng giảm (bằng 11,87%) so với giai đoạn 2006

Bảng 2: Đóng góp của vốn, lao động và TFP trong tăng trưởng GDP của tỉnh Thái Nguyên

Năm	Tăng trưởng của GDP (%)	Đóng góp của Vốn		Đóng góp của Lao động		Đóng góp của TFP	
		Điểm %	Tỷ trọng	Điểm %	Tỷ trọng	Điểm %	Tỷ trọng
2006	11,34	6,01	53,02	1,61	14,17	3,72	32,81
2007	12,53	5,25	41,90	1,64	13,11	5,64	44,99
2008	11,45	6,44	56,28	1,58	13,82	3,42	29,90
2009	9,34	3,67	39,28	1,91	20,42	3,76	40,30
2010	10,43	5,22	50,01	1,07	10,27	4,14	39,71
2011	8,72	7,84	89,92	0,66	7,62	0,21	2,46
2012	4,99	4,13	82,86	0,65	13,12	0,20	4,03
2013	6,00	9,91	165,24	1,34	22,39	-5,26	-87,63
2014	24,75	12,35	49,92	0,47	1,89	11,93	48,20
2015	25,39	13,66	53,81	3,78	14,88	7,95	31,31
2016	15,2	10,76	70,78	1,26	8,31	3,18	20,91
2006-2012	9,83	5,51	59,04	1,30	13,22	3,01	27,74
2013-2016	17,84	11,67	84,94	1,71	11,87	4,45	3,20
2006-2016	12,74	7,75	68,45	1,45	12,73	3,54	18,82

Nguồn: Theo tính toán của tác giả

- 2012 do trong giai đoạn này hơn 10% lực lượng lao động trong lĩnh vực nông- lâm- thủy sản của tỉnh Thái Nguyên đã chuyển sang làm việc trong lĩnh vực công nghiệp và xây dựng khi mà người lao động của tỉnh Thái Nguyên chưa kịp chuyển đổi nghề nghiệp để bắt kịp với công việc mới.

Bên cạnh sự đóng góp của vốn và lao động trong tăng trưởng GDP, TFP cũng có đóng góp tích cực trong GDP. Trong giai đoạn 2006- 2012 khi chưa có nhiều nguồn vốn FDI đầu tư vào tỉnh Thái Nguyên, tỷ trọng đóng góp trung bình của nhân tố TFP trong tăng trưởng GDP là 27,74% (Bảng 2). Tuy nhiên, năm 2013 trong khi nguồn vốn FDI được đầu tư mạnh mẽ vào tỉnh Thái Nguyên và có đóng góp rất lớn vào tăng trưởng GDP của tỉnh Thái Nguyên, thì TFP không có đóng góp gì cho tăng trưởng GDP của tỉnh Thái Nguyên (TFP tăng trưởng âm 87,63%). Xu hướng giảm này là do năm 2013 lượng vốn đầu tư tăng trưởng ở mức rất cao (65,13%) nhưng trữ lượng vốn thực sự đưa vào sản xuất để tạo ra hàng hóa, dịch vụ đã không tăng tương xứng với lượng vốn đầu tư trên. Vốn đầu tư trong giai đoạn này mới chỉ sử dụng để giải phóng mặt bằng, xây dựng cơ sở vật chất nhằm tạo tiền đề cho sản xuất hàng hóa, dịch vụ. Giai đoạn 2014- 2016, tỷ trọng đóng góp của TFP vào tăng trưởng kinh tế tăng lên khá mạnh, khoảng 33,47%. Sự tăng trưởng của TFP trong thời

gian này là kết quả của việc tăng năng suất lao động xã hội của tỉnh Thái Nguyên. Tính theo giá thực tế, mức năng suất lao động xã hội năm 2016 của tỉnh Thái Nguyên là 84,188 triệu đồng/lao động, tăng gấp 6,5 lần so với năm 2006; mức năng suất lao động xã hội bình quân giai đoạn 2014- 2016 của tỉnh Thái Nguyên là 72,579 triệu đồng/lao động, tăng gấp 2,6 lần so với giai đoạn 2006 - 2012 (Phụ lục). Đây chính là kết quả của việc các yếu tố tạo nên năng suất nhân tố tổng hợp như kiến thức, kỹ năng, trình độ tay nghề của người lao động, thay đổi công nghệ, phương pháp quản lý và điều hành của người quản lý... đã chuyên hóa vào kết quả sản xuất, phản ánh hiệu quả của các nguồn lực được sử dụng trong quá trình sản xuất hàng hóa dịch vụ.

4. Kết luận và kiến nghị

Thái Nguyên là một trong những địa phương có tốc độ tăng trưởng cao trong giai đoạn 2006-2016. Trên cơ sở phương pháp hạch toán tăng trưởng, bài viết đã đánh giá tác động của các yếu tố đầu vào là vốn, lao động và năng suất nhân tố tổng hợp đến tăng trưởng kinh tế của tỉnh Thái Nguyên. Kết quả nghiên cứu cho thấy, tốc độ tăng trưởng kinh tế trung bình của tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2006- 2016 đạt 12,74%, trong đó vốn là yếu tố quan trọng nhất đóng góp vào tăng trưởng kinh tế với tỷ trọng là 68,45%. Lao động có việc làm đã đóng góp 12,73% vào tăng

trường kinh tế của tỉnh Thái Nguyên. Mặc dù có mức độ tăng trưởng không ổn định, yếu tố năng suất nhân tố tổng hợp TFP cũng đã duy trì đóng góp của mình trong tăng trưởng GDP với mức trung bình chung của cả giai đoạn 2006- 2016 là 18,82%. Tuy nhiên, hiệu quả sử dụng các yếu tố đầu vào của Tỉnh cho tăng trưởng kinh tế còn thấp, thể hiện qua việc hệ số ICOR còn cao, đóng góp của yếu tố năng suất nhân tố tổng hợp còn thấp và năng suất lao động vẫn cần phải cải thiện.

Năm 2016, tỉnh Thái Nguyên đã ban hành “Quy hoạch phát triển công nghiệp tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2016 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030”, trong đó khẳng định hướng phát triển kinh tế của tỉnh Thái Nguyên là “*chú trọng chất lượng tăng trưởng kinh tế để đảm bảo tính bền vững, thân thiện với môi trường và năng suất lao động cao; khai thác và sử dụng có hiệu quả các lợi thế của tỉnh về tài nguyên thiên nhiên, nguồn nhân lực trình độ cao, vị trí trung tâm vùng Trung du và miền núi phía Bắc*”. Để tỉnh Thái Nguyên thực hiện được định hướng phát triển

kinh tế đã phát biểu ở trên, tỉnh Thái Nguyên cần nâng cao vai trò của TFP trong tăng trưởng kinh tế. Để làm được điều này, tỉnh Thái Nguyên cần thực hiện đồng bộ một số giải pháp. Một là, tỉnh Thái Nguyên cần xem xét định hướng tăng trưởng kinh tế không dựa vào tăng vốn đầu tư và khai thác tài nguyên mà tăng trưởng kinh tế dựa vào tri thức và công nghệ. Thứ hai, tỉnh Thái Nguyên cần nâng cao hiệu quả sử dụng vốn đầu tư thông qua đầu tư trọng tâm trọng điểm vào các công trình có công nghệ cao; tránh thất thoát, lãng phí trong sử dụng vốn đầu tư và tăng cường kiểm tra, giám sát các hoạt động đầu tư. Ba là nâng cao chất lượng nguồn nhân lực phục vụ cho tăng trưởng kinh tế của tỉnh Thái Nguyên bằng cách nâng cao trình độ văn hóa và nhận thức của người lao động, tăng cường đầu tư cho giáo dục đào tạo trên tất cả các mặt như phẩm chất đạo đức, trình độ chuyên môn, ngoại ngữ và tin học. Ngoài ra, tỉnh Thái Nguyên cần kiên quyết cải cách hành chính, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh và nâng cao hiệu quả hiệu lực quản lý nhà nước về kinh tế.

Phụ lục: Dữ liệu và tính toán trong nghiên cứu

Năm	GDP - giá hiện hành (tỷ đồng)	GDP- giá so sánh 2010 (tỷ đồng)	I - giá so sánh 2010 (tỷ đồng)	K- giá so sánh 2010 (tỷ đồng)	L (người)	Lãi suất cho vay	Tỷ phần thu nhập của K	Năng suất lao động (triệu đồng/LĐ)	ICOR - giá so sánh 2010
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)=(1)/(5)	(9)
2000	3016,80	8172,58	2083,02	8172,58					
2001	3368,40	8900,41	2405,98	10169,93					
2002	3809,30	9711,10	2970,27	12631,70					
2003	4404,60	10614,35	5151,37	17151,48					
2004	5480,79	11644,77	6887,78	23181,69					
2005	6587,38	12732,01	6656,44	28679,05					
2006	7966,63	14176,09	7693,26	34938,36	616961	0,1118	0,2755	12,913	5,33
2007	10014,62	15952,42	8087,95	41279,39	631217	0,1118	0,2893	15,866	4,55
2008	13509,47	17778,32	8360,97	47576,38	648499	0,1578	0,4223	20,832	4,58
2009	16223,30	19438,85	8637,33	53834,89	665652	0,1007	0,2789	24,372	5,20
2010	21466,14	21466,14	10172,96	61316,10	677070	0,1314	0,3753	31,704	5,02
2011	27965,90	23338,23	12432,13	70682,43	686317	0,1695	0,5133	40,748	6,64
2012	32112,20	24502,02	10385,73	77534,04	694140	0,1347	0,4262	46,262	8,92
2013	35417,60	25972,11	23659,38	97316,72	709393	0,1037	0,3886	49,927	16,09
2014	44231,30	32400,14	39068,17	131519,05	714500	0,0866	0,3515	61,905	6,08
2015	54063,00	40626,71	61551,05	186494,14	754610	0,0712	0,3268	71,644	7,48
2016	64792,00	46109,453	64357,79	241527,22	769610	0,0696	0,3646	84,188	11,74

Nguồn: Niên giám thống kê của tỉnh Thái Nguyên các năm 2010-2015; số liệu từ báo cáo UBND tỉnh Thái Nguyên năm 2016 và IMF (2017).

Ghi chú:

1. Theo Green (2001) và Tabachnick & Fidell (2007), khi dữ liệu là dạng số liệu theo chuỗi thời gian và số liệu thống kê theo năm thì chuỗi dữ liệu cần thỏa mãn $n - k > 20$ (với n là số năm và k là số biến độc lập trong mô hình). Như vậy, nếu mô hình có 2 biến độc lập và 1 biến phụ thuộc như hàm sản xuất (1), số năm liên tục cần có để thực hiện mô hình hồi quy là $n > 20 + 2 = 22$ (năm).
2. Theo UBND tỉnh Thái Nguyên, ngày 25/ 3/2013 Samsung Thái Nguyên đã chính thức khởi công dự án xây dựng nhà máy sản xuất điện thoại Samsung tại khu công nghiệp số 1 Yên Bình, Phố Yên với tổng vốn đầu tư khoảng 2 tỷ USD. Chỉ chưa đầy một năm sau ngày khởi công, tháng 3/2014 sản phẩm máy tính bảng, linh kiện điện tử và điện thoại thông minh mang nhãn hiệu Samsung Thái Nguyên đầu tiên đã được xuất xưởng, mang lại doanh thu khoảng 3 tỷ USD cho đơn vị. Tháng 12/2014, Tập đoàn Samsung tại Thái Nguyên đã quyết định đầu tư giai đoạn 2 vào khu công nghiệp Yên Bình với số vốn lên gần 3 tỷ USD. Việc đầu tư này đã làm cho tốc độ tăng trưởng vốn đầu tư năm 2014 của tỉnh Thái Nguyên tăng mạnh, lên đến 65,13%, gấp 4,5 lần so với năm 2012 trước khi có đầu tư của tập đoàn Samsung.

Tài liệu tham khảo

- Domar, E.D. (1946), 'Capital expansion, rate of growth and employment', *Econometrica, Journal of Econometric Society*, 14(2), 137-147.
- Đặng Hoàng Thống & Võ Thành Danh (2011), 'Phân tích các yếu tố tác động đến tăng trưởng kinh tế của thành phố Cần Thơ: cách tiếp cận tổng năng suất các yếu tố', *Tạp chí Khoa học*, 17b, 120-129.
- Green, S.B. (2001), 'How many subjects does it take to do a regression analysis?', *Multivariate Behavioral Research*, 26, 499-510.
- Harrod, R.F. (1939), 'An essay in dynamic theory', *The Economic Journal*, 49(193), 14 -33.
- Mankiw, N. G., D. Romer, & David N. Weil. (1992), 'A Contribution to the Empirics of Economic Growth', *Quarterly Journal of Economics*, 107(2), 407-437.
- Nguyễn Quang Hiệp & Nguyễn Thị Nhã (2015), 'Vai trò của các yếu tố nguồn lực đối với tăng trưởng kinh tế Việt Nam giai đoạn 1996-2014', *Tạp chí Kinh tế và Phát triển*, 219, 9-19.
- Ricardo, D. (1817), *On the principles of political economy and taxation*, 3rd Edition (1821), John Murray, London.
- Romer, P.M. (1986), 'Increasing returns and long run growth', *The Journal of Political Economy*, 94(5), 1002-1037.
- Smith, A. (1776), *An inquiry into nature and causes of the wealth of nations*, Methuen Co., Ltd., London.
- Solow, R.M. (1956), 'A contribution to the theory of economic growth', *Quarterly Journal of Economics*, 70 (1), 65-94.
- Solow, R.M. (1957), 'Technical Change and the Aggregate Production Function', *Review of Economics and Statistics*, 39(3), 312-320.
- Tabachnick, B.G. & Fidell, L.S. (2007), *Using multivariate statistics (5th edition)*, Allyn & Bacon, Boston, MA.
- Trung tâm Năng suất Việt Nam (2009), *Báo cáo nghiên cứu chỉ tiêu năng suất Việt Nam 2006-2007*.
- UBND tỉnh Thái Nguyên (2012), *Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2012, phương hướng nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2013*, Báo cáo số 214/BC-UBND ngày 26/11/2012.
- Viện nghiên cứu quản lý kinh tế trung ương CIEM (2010), *Nâng cao tỷ trọng và tác dụng của năng suất nhân tố tổng hợp*, Thông tin chuyên đề số 5/2010.